TOÀ ÁN ND HUYỆN Y T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-ST

Ngày 06-11-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn;

2.Ông Đỗ Ngọc Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 89/2018/TLST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967 (Có mặt);

B*ị đơn*: Anh Nguyễn V L, sinh năm: 1983 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Th L, sinh năm: 1988 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: Bản M T, xã T T, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2018, bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Do có quan hệ quen biết với anh L nên ngày 05 tháng 5 năm 2018 anh cho anh L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), mục đích để anh L trả góp tiền mua xe ô tô cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam, thời hạn thanh toán đến ngày 05 tháng 6 năm 2018 dương lịch. Đến ngày 22 tháng 7 năm 2018 anh cho anh L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), mục đích anh L vay để đổi sổ ngân hàng, thời hạn thanh toán đến ngày 15 tháng 8 năm 2018 dương lịch. Cả hai khoản vay trên đều là vay không có lãi. Đến hạn thanh toán anh L không trả tiền cho anh. Anh khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn V L phải trả anh số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 anh Nguyễn V L trình bày: Ngày 05 tháng 5 năm 2018 anh vay của anh T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6.750.000đ (Sáu triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) anh đã trả trực tiếp cho chị T là vợ anh T. Ngày 22 tháng 7 năm 2018 anh vay anh T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 15 tháng 8 năm 2018, lãi suất thỏa thuận 1.500đ (Một nghìn năm trăm đồng)/ 1 triệu/ ngày, anh đã trả lãi đến tháng 8 năm 2018 số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Các lần anh thanh toán lãi đều là đưa trực tiếp cho chị T là vợ anh T anh không yêu cầu chị T viết biên nhận thanh toán tiền nên anh không có tài liệu chứng minh việ trả lãi để nộp cho Tòa án. Cả hai khoản vay anh đều sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Anh T khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc anh đồng ý trả nợ dần cho anh T. Ngày 12/10/2018 anh L có đơn đề nghị được vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 chị Nguyễn Th L trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn V L, việc anh L vay tiền của anh T chị không được biết, chị không được sử dụng số tiền anh L vay, anh L không sử dụng số tiền vay vào mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình. Anh T khởi kiện yêu cầu anh L phải trả anh T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì anh L phải có trách nhiệm trả, chị không đồng ý cùng anh L trả nợ cho anh T. Ngày 25/10/2018 chị L nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018, lời khai tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T, việc anh T cho anh L vay tiền chị có được biết, đến nay anh L còn nợ vợ chồng chị số tiền 100.000.000đ

(Một trăm triệu đồng) tiền gốc. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh L phải trả cho anh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn V L, chị Nguyễn Th L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến, đề nghị:

Áp dụng Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015. Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T buộc anh Nguyễn V L phải trả anh Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Anh Nguyễn V L phải chịu số tiền án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn V L, chị Nguyễn Thuỳ L vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh L và chị L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Do có quan hệ quen biết với anh Nguyễn V L nên anh Nguyễn Văn T đã 02 lần cho anh L vay tiền, cụ thể: Ngày 05 tháng 5 năm 2018 anh T cho anh L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng. Ngày 22 tháng 7 năm 2018 anh T cho anh L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Cả hai khoản vay trên anh T xác định là vay không có lãi suất. Đến hạn thanh toán anh L không thanh toán anh T theo thỏa thuận. Anh L thừa nhận còn nợ anh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và khẳng định cả hai khoản vay trên là vay có lãi, các bên thỏa thuận lãi suất 1.500đ (Một nghìn năm trăm đồng)/ 1 triệu/ 1 ngày, anh L đã trả tổng số 9.000.000đ (Chín triệu đồng) tiền lãi nhưng anh L không chứng minh được anh L đã thanh toán lãi, mặt khác trong giấy biên nhận

vay tiền ghi các ngày 05 tháng 5 năm 2018 và ngày 22 tháng 7 năm 2018 không ghi nội dung bên vay phải trả lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ để chấp nhận nên cần buộc anh Nguyễn V L phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc.

[3] Về án phí: Yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.Anh Nguyễn V L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 138; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Buộc anh Nguyễn V L phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn V L phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn T 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T nộp tại biên lai số AA/2016/0002061 ngày 12 tháng 10 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh Bắc Giang thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo